

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-PT

Ngày 23 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Long và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 90/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo Lê Đức B. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Mai Thị Thanh T1) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Đức B**, sinh năm 1977 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thúc Đ và bà Chu Thị V; có vợ Mai Thị Thanh T1 và 02 con; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 5 năm 2020 đến ngày 10 tháng 7 năm 2020. Hiện đang tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Trọng Thao - Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Chị Mai Thị Thanh T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Ngoài ra còn có 02 bị cáo khác và bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T đã ký hợp đồng thuê nhà của Nguyễn Quốc T tại xóm 2, Thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam để tập kết vật tư xây dựng. Lợi dụng việc Công ty TNHH T không có người trông coi, T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp dây cáp điện, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 09/5/2020, T lấy 01 chiếc kìm bằng kim loại trong tủ đựng vật tư của Công ty TNHH T rồi đi đến chỗ để dây cáp điện gần cửa ra vào, cắt 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu TAYA loại $150\text{ mm}^2 \times 1\text{C}$, tổng chiều dài là 12,923m và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Thuý C, (làm nghề thu mua phế liệu) đến nhà để bán dây cáp điện. Khi bán T không nói cho C biết về nguồn gốc số dây cáp điện do đâu mà có. Sáng ngày 10/5/2020, C gọi điện cho T thông báo tổng khối lượng dây cáp điện là 20kg, trừ 20% khối lượng vỏ, còn 16kg dây đồng nên C thỏa thuận trả cho T với tổng số tiền là 1.600.000 đồng. Sau đó, C đã bán số dây cáp điện đó cho đầu mối thu mua qua đường nhưng chưa thanh toán số tiền 1.600.000 đồng cho T.

Lần thứ hai: Sáng ngày 10/5/2020, T gọi điện thoại cho Lê Đức B (làm nghề thu mua phế liệu) đến nhà để bán dây cáp điện. Lúc này có Đoàn Thế D đến nhà T chơi. B điều khiển xe mô tô BKS: 90B2-0... đến nhà T và T bảo D “Mày ra cắt cho anh ba vòng ở cuộn đen to kia ở ngoài cửa” và dặn “Kéo cửa xuống nhé”. D biết T cho Công ty TNHH T thuê nhà làm kho chứa vật tư nên khi T nhờ cắt dây cáp điện và dặn kéo cửa xuống thì D nhận thức rõ T trộm cắp dây cáp điện của Công ty. D đi ra kéo cửa xuống rồi dùng kìm cắt từ cuộn dây điện nhãn hiệu TAYA loại $150\text{ mm}^2 \times 1\text{C}$ ra 03 đoạn dây dài khoảng 16,8m rồi buộc lại thành các cuộn nhỏ. Do B biết nhà T cho Công ty TNHH T thuê nhà và nhiều lần thu mua dây cáp điện của T đem đến bán nên biết số dây cáp điện là do T trộm cắp. D và B đi ra phía sau nhà lấy 01 tấm bạt rồi cùng bê 03 cuộn dây bỏ vào trong tấm bạt bê đặt lên xe mô tô của B chở về nhà. Sau đó, T bảo D đi xuống nhà B lấy tiền chuyển vào tài khoản cho T. D xuống nhà B cân số dây cáp điện xác định tổng khối lượng là 26kg, khấu trừ 30% vỏ còn 18kg đồng, B đưa cho D để trả T số tiền 1.700.000 đồng. D cầm tiền chuyển vào tài khoản của T 1.700.000 đồng rồi đi về trả xe cho T.

Lần thứ 3: Do T nghi ngờ việc B mua dây cáp điện đã cân gian dối nên khoảng 17 giờ ngày 10/5/2020, T cắt trộm vài đoạn dây cáp điện của Công ty TNHH T để đem xuống nhà B đối chứng. Lúc này, anh Trần Văn T2 là công nhân điện lực P đến nhà T thông báo việc nộp tiền điện, T nhờ T2 cắt hộ 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu TAYA loại $150\text{ mm}^2 \times 1\text{C}$ và bảo với T2 đó là dây cáp điện do T xin được. T2 cầm kìm cắt 03 đoạn dây cáp điện từ 02 cuộn dây khác nhau ở góc nhà gần cửa ra vào, mỗi đoạn dài khoảng 1m rồi đưa cho T. Sau đó, T mang 03 đoạn dây cáp điện đem xuống nhà B nói chuyện. T tách vỏ dây cáp điện và cân lên xác định tỉ lệ khối lượng vỏ là 12% nên giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về chuyện mua bán và T bỏ về nhưng không nhớ đã để 03 đoạn dây cáp điện này ở đâu.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Lê Đức B: 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu TAYA, loại $150\text{ mm}^2 \times 1\text{C}$ có chiều dài lần lượt là 5,4m; 4,94m; 6,46m (tổng

chiều dài 16,8m); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 90B2-0... và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Mai Thị Thanh T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng có ốp lưng silicon màu đen; Thu giữ tại hiện trường: 01 kìm bằng kim loại dài 78cm, tay cầm màu xanh; Thu giữ của Đoàn Thế D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; Thu giữ của Nguyễn Thị Thúy C số tiền 1.600.000 đồng; Thu giữ của anh Hồng Bảy Đ: 01 USB nhãn hiệu SanDisk được niêm phong trong phong bì ký hiệu “USB1” và 03 USB nhãn hiệu Kingston được niêm phong trong phong bì ký hiệu “USB3” lưu trữ hình ảnh trích xuất từ camera.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lê Đức B và Đoàn Thế D đều ở Thôn L, xã T, thành phố P nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 45/2020 ngày 18/5/2020; số 72/2020 ngày 04/8/2020 và số 75/2020 ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã kết luận: 16,8m dây cáp điện nhãn hiệu TAYA, loại 150mm²*1C, vỏ dây màu đen giá 4.620.000 đồng; 20kg dây cáp điện nhãn hiệu TAYA, loại 150mm²* 1C, vỏ màu đen, chiều dài tương ứng là 12,923m giá 3.110.000 đồng; 03 mét dây cáp điện nhãn hiệu TAYA, loại 150mm²* 1C, vỏ màu đen giá 699.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, BKS: 90B2-0..., xe đã qua sử dụng, giá 22.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty TNHH T với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Nay, bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì khác về phần dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 58; 50; 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Quốc T, Đoàn Thế D); điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Quốc T) và căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 47; Điều 35 của Bộ luật Hình sự (đối với Lê Đức B). Các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Đoàn Thế D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Lê Đức B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt Nguyễn Quốc T 15 tháng tù; Đoàn Thế D 12 tháng tù và Lê Đức B 09 tháng tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B, quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, bị cáo Lê Đức B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt ở mức án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B xác định rõ không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Mai Thị Thanh T1) có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm trả lại toàn bộ chiếc xe mô tô BKS 90B2-0... cho chị T1 với lý do: Nguồn gốc chiếc xe là tài sản riêng của chị T1 được bà Cao Thị Mỹ (mẹ đẻ) mua cho riêng, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, chị Mai Thị Thanh T1 xuất trình Hóa đơn bán hàng tên người mua là Cao Thị M (đứng tên Mai Thị Thanh T1). Tại phiên tòa, chị T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; xử phạt bị cáo Lê Đức B 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả lại toàn bộ chiếc xe mô tô BKS 90B2-0... cho chị Mai Thị Thanh T1.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; Bị cáo nhất trí quan điểm bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của những người kháng cáo đều trong thời hạn luật định, đơn thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đức B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; cũng như biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do hám lợi nên ngày 10 tháng 5 năm 2020, Lê Đức B biết rõ Nguyễn Quốc T và Đoàn Thế D trộm cắp 16,8m dây cáp điện nhãn hiệu TAYA, loại 150mm²*1C của Công ty TNHH T, trị giá 4.620.000 đồng mà có nhưng vẫn mua về bán kiếm lời. Hành vi mua tài sản bất hợp pháp của bị cáo B đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 25 tháng 9 năm 2020 và tuyên bố bị cáo Lê Đức B phạm tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đồng thời, xác

định gia đình có công với cách mạng, bố đẻ và bố, mẹ vợ bị cáo đều được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến và đã nộp cho cấp phúc thẩm; Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Mặc dù, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp với hành vi mà bị cáo gây ra. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng, quá trình tại ngoại luôn chấp hành tốt nghĩa vụ công dân, có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà chỉ cần giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cho nên, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị T1), Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Mai Thị Thanh T1 khai nhận nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS: 90B2-0... là của bà Cao Thị M (mẹ đẻ chị T1) mua ngày 21 tháng 9 năm 2015 tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Ô tô - Xe máy Thọ - Huyền cho riêng chị T1 để làm phương tiện đưa đón con đi học, được thể hiện tại Hóa đơn bán hàng, người đứng mua chiếc xe mô tô là bà Cao Thị M (Đăng ký tên Mai Thị Thanh T1). Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bà M không được Tòa án triệu tập nhưng cũng đến tham dự phiên tòa và thừa nhận có cho riêng chị T1 tiền để mua chiếc xe mô tô tại cửa hàng Thọ - Huyền; nguồn tiền là do gia đình bà M được Nhà nước thu hồi đất bồi thường nên gia đình chia cho các con. Tại phiên tòa chị T1 khai chưa nhập chiếc xe mô tô đó vào khối tài sản chung của vợ chồng và khi B lấy làm phương tiện để thực hiện tội phạm, chị T1 không biết. Do vậy, kháng cáo của chị T1 có căn cứ được chấp nhận và trả lại chiếc xe mô tô BKS: 90B2-0... cho đúng chủ sở hữu (chị Mai Thị Thanh T1) là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của những người kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức B và chị Mai Thị Thanh T1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Đức B 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (23 tháng 11 năm 2020); về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Giao bị cáo Lê Đức B cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trả lại chị Mai Thị Thanh T1 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ, Biển kiểm soát: 90B2-0... và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020...

Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ngày 11 tháng 9 năm 2020.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Đức B và chị Mai Thị Thanh T1 không phải chịu.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND; Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND; VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã T, thành phố Phủ Lý;
- Bị cáo; Bộ phận HCTP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Nguyễn Đức Thủy